

Số: 4542/QĐ-UBND

Phú Quốc, ngày 27 tháng 9 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố, công khai số liệu điều chỉnh dự toán chi ngân sách
thành phố năm 2022

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHÚ QUỐC

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành luật ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 65/NQ-HĐND ngày 20 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân thành phố Phú Quốc về phân bổ chi ngân sách thành phố Phú Quốc năm 2022;

Căn cứ Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 30 tháng 8 năm 2022 của Hội đồng nhân dân thành phố Phú Quốc phê chuẩn điều chỉnh dự toán chi ngân sách thành phố năm 2022;

Căn cứ Quyết định số 4261/QĐ-UBND ngày 07 tháng 9 năm 2022 về việc điều chỉnh dự toán chi ngân sách thành phố năm 2022;

Theo đề nghị của Phòng Tài chính – Kế hoạch thành phố tại Tờ trình số 272/TTr-PTCKH ngày 07 tháng 9 năm 2022;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Công bố, công khai số liệu điều chỉnh dự toán chi ngân sách thành phố năm 2022 (Có phụ lục kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND-UBND thành phố, Trưởng Phòng Tài chính - Kế hoạch, Thủ trưởng các cơ quan có liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- Lãnh đạo Thành ủy;
- Lãnh đạo HĐND-UBND thành phố;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố;
- Tòa án nhân dân thành phố;
- Cơ quan, ban ngành đoàn thể thành phố;
- UBND các xã, phường;
- LĐVP, đ/c Hưng;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Hưng Quang Hưng

ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ NĂM 2022

(Kèm theo Quyết định số: 45A/QĐ-UBND ngày 20/01/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố Phú Quốc)

Đơn vị tính: Đồng

STT	NỘI DUNG CHI	DỰ TOÁN CHI ĐIỀU CHỈNH	SỐ TUYỆT ĐỐI	SỐ TƯƠNG ĐỐI (%)	
1	2	3	4	5	
	TỔNG CHI	2.323.519.078.327	3.683.428.221.303	1.359.909.142.976	158,53
A	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH	2.323.519.078.327	3.683.428.221.303	1.359.909.142.976	158,53
1	Chi đầu tư phát triển	1.411.955.000.000	2.597.188.067.488	1.185.233.067.488	183,94
1	Chi XDCB vốn tỉnh phân cấp (vốn Trung ương + vốn tỉnh)	426.355.000.000	426.355.000.000	-	100,00
2	Chi XDCB vốn ngân sách thành phố	985.600.000.000	1.358.783.289.796	373.183.289.796	137,86
3	Nguồn vốn được phép kéo dài từ năm 2021 sang năm 2022	-	812.049.777.692	812.049.777.692	
II	Chi thường xuyên (1+2+...+12)	591.490.487.474	762.050.116.962	170.559.629.488	128,84
1	Chi Sự nghiệp kinh tế	149.881.043.662	239.922.879.064	90.041.835.402	160,08
2	Sự nghiệp Khoa học công nghệ:			-	
3	Chi Sự nghiệp môi trường, du lịch	77.209.358.506	80.701.064.792	3.491.706.286	104,52
4	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	233.550.323.157	260.444.324.747	26.894.001.590	111,52
5	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	54.523.672.397	69.154.367.932	14.630.695.535	126,83
6	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	8.199.745.447	8.199.745.447	-	100,00
7	Chi sự nghiệp thể dục thể thao:	559.782.500	1.119.782.500	560.000.000	200,04
8	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình	1.307.363.000	1.307.363.000	-	
9	Chi Đảm bảo Xã hội:	2.000.771.000	31.103.051.000	29.102.280.000	1.554,55
10	Chi quản lý hành chính nhà nước, đảng, đoàn thể	48.571.401.804	49.490.512.479	919.110.675	101,89
11	Chi quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội	9.687.026.000	10.607.026.000	920.000.000	109,50
12	Chi khác	6.000.000.000	10.000.000.000	4.000.000.000	166,67
III	Chi thực hiện cải cách tiền lương	221.657.590.853	221.657.590.853	-	100,00
IV	Chi khen thưởng	1.500.000.000	1.500.000.000	-	100,00
V	Chi dự phòng:	10.151.000.000	10.151.000.000	-	100,00
VI	Chi trợ cấp NS xã	86.765.000.000	90.881.446.000	4.116.446.000	104,74
B	CHI NỢP NGÂN SÁCH CẤP TRÊN	-		-	
C	CHI TỪ NGUỒN TẶNG THU	-		-	
D	CHI QUẢN LÝ QUA NGÂN SÁCH			-	
E	CHI CHUYỂN NGUỒN			-	